

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG

Tên chương trình	: Quản trị kinh doanh
Trình độ đào tạo	: Đại học liên thông từ Cao đẳng
Ngành đào tạo	: Quản trị kinh doanh
Tên Tiếng Anh	: Business Administration
Loại hình đào tạo	: Liên thông Chính quy – hệ tín chỉ
Mã số	: D340101

(Ban hành kèm theo Quyết định số.../QĐ – NTT, ngày...tháng...năm 2015
của Hiệu trưởng trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1.1. Kiến thức

1.1.1. Kiến thức chung

Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực Khoa học xã hội và Khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.

1.1.2. Kiến thức chuyên ngành

Có kiến thức nền tảng về các lĩnh vực kinh tế - xã hội và kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh như: quản trị sản xuất và tác nghiệp, marketing, thương mại điện tử, quản trị nguồn nhân lực, quản trị hành chính văn phòng, quản trị tài chính, quản trị bán hàng, quản trị chiêu thị và quản trị dự án;

1.1.3. Kiến thức bổ trợ

Ngoại ngữ trình độ B; Tin học trình độ B; Kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng tư duy hiệu quả và sáng tạo, kỹ năng Bàn phím, kỹ năng Soạn thảo văn bản.

1.2. Kỹ năng

Phân tích môi trường kinh doanh, khảo sát, nghiên cứu thị trường để hoạch định, tổ chức, thực hiện và kiểm soát chiến lược và kế hoạch kinh doanh; Thiết lập, thẩm định và quản trị dự án đầu tư; Soạn thảo văn bản, đàm phán, diễn thuyết và ứng xử giao tiếp; Làm

việc theo nhóm, quản lý nhóm và nghiên cứu khoa học; Quản trị nhân sự và nghệ thuật lãnh đạo; Xây dựng và phát triển quan hệ cộng đồng.

1.3. Thái độ

Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp; Ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, trách nhiệm công dân, làm việc theo nhóm và làm việc độc lập; Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.

1.4. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí, khả năng làm việc và học tập sau khi tốt nghiệp

Đảm nhận các công việc về quản trị trong các tổ chức chính trị, kinh tế - xã hội; Làm việc trong phòng kế hoạch, phòng nhân sự, phòng marketing, phòng kinh doanh...; Có khả năng giảng dạy chuyên ngành Quản trị kinh doanh trong các trường cao đẳng và trung cấp.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 1.5 năm.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 65 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Chương trình đào tạo được thực hiện trong 1.5 năm với 5 kỳ, trong đó 4 học kỳ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng tại cơ sở đào tạo, 01 kỳ làm khóa luận hoặc học các học phần thay thế.
- Sinh viên được đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng theo Theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 15 tháng 08 năm 2007, của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thông tư 57/2012/TT-BGD&ĐT, ngày 27 tháng 12 năm 2012, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 388/QĐ – NTT ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Hiệu trưởng trường đại học Nguyễn Tất Thành.

6. THANG ĐIỂM

- Thang điểm 10
- Điểm học phần làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a. Loại đạt:

A – (8,5 -> 10)	: GIỎI.
B – (7,0 -> 8,4)	: KHÁ
C – (5,5 -> 6,9)	: TRUNG BÌNH
D – (4,0 -> 5,4)	: TRUNG BÌNH YẾU.

b. Loại không đạt:

F – (dưới 4,0)	: KÉM.
----------------	--------

- Tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chung của mỗi học phần phải được quy đổi sang điểm số như sau (điểm hệ 4):
- A tương ứng với 4.
 - B tương ứng với 3.
 - C tương ứng với 2.
 - D tương ứng với 1.
 - F tương ứng với 0.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 18 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

7.1.1. Ngoại ngữ: 12 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
1	070411	TOEIC 3	3	30	30	
2	070412	TOEIC 4	3	30	30	070411(a)
3	001799	TOEIC 5	3	30	30	070412(a)
4	071104	TOEIC 6	3	30	30	001799(a)
		Tổng	12	120	120	

7.1.2. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên: 6 tín chỉ

7.1.2.1. Kiến thức bắt buộc: 2 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
5	001030	Xác suất thống kê	2	30	0	
		Tổng	2	30	0	

7.1.2.2. Kiến thức tự chọn: 4 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
6	071340	Qui hoạch tuyến tính	2	30	0	
7	070182	Phương pháp tính	2	30	0	
8	070006	Kỹ năng giao tiếp	2	30	0	
9	072387	Kỹ Năng bán hàng	2	30	0	

7.1.3. Giáo dục thể chất

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
10	000590	Giáo dục thể chất	1	15	15	
		Tổng	1	15	15	

7.1.4. Giáo dục quốc phòng

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
-----	-------	--------------	----	----	----	---------

11	000586	Giáo dục quốc phòng	1	7	23	
		Tổng	1	7	23	

7.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 47 tín chỉ

7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 13 tín chỉ

7.2.1.1. Kiến thức bắt buộc: 11 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
12	072385	Kinh tế vĩ mô	3	45	0	
13	071500	Luật kinh doanh	2	30	0	
14	072386	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	2	0	60	
15	072388	Marketing dịch vụ	2	30	0	
16	072389	Phân tích định lượng trong kinh doanh	2	30	0	
		Tổng	11	135	60	

7.2.1.2. Kiến thức tự chọn: 2 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
17	072391	Kỹ năng quản lý sự thay đổi	2	30	0	
18	072393	Thuế	2	30	0	

7.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 27 tín chỉ

7.2.2.1. Kiến thức bắt buộc: 25 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
19	071529	Tổ chức sự kiện	2	30	0	
20	071851	Kinh tế quốc tế	2	30	0	
21	072390	Dự báo kinh doanh	2	30	0	
22	072392	Quản trị nguồn nhân lực 2	3	30	30	
23	072394	Vận tải, bảo hiểm vận tải quốc tế	3	45	0	
24	071531	Quản trị Marketing 2	3	45	0	
25	071494	Chăm sóc khách hàng	2	30	0	
26	071508	Khởi sự và tái lập doanh nghiệp	2	30	0	
27	072397	PP nghiên cứu trong kinh doanh	2	30	0	
28	072402	Tiếng Anh chuyên ngành 3	2	30	0	
29	072403	Tiếng Anh chuyên ngành 4	2	30	0	
		Tổng	25	360	30	

b. Kiến thức tự chọn: 2 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
-----	-------	--------------	----	----	----	---------

30	071512	Quản trị rủi ro	2	30	0	
31	071860	Sở hữu trí tuệ	2	30	0	

7.2.3. Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế): 7 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
32	070343	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	210	
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp						
33	001099	Nghệ thuật lãnh đạo	2	30	0	
34	070750	Quản trị thương hiệu	2	30	0	
35	072399	Chuyên đề tốt nghiệp - Đại học liên thông	3	0	90	
		Tổng	7	0	210	

Ghi chú: TC: số tín chỉ; LT: số tiết lý thuyết; TH: số tiết thực hành, thí nghiệm, giải bài tập, thảo luận; (b): học phần tiên quyết; (a): học phần trước; (c)|: học phần song hành.

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN): Các học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất được tổ chức giảng dạy theo lịch riêng.

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện ràng buộc
Học kỳ 1				14	165	90	
Học phần bắt buộc				12	135	90	
1	000586	Giáo dục quốc phòng	0103000586	1	7	23	
2	000590	Giáo dục thể chất	0103000590	1	15	15	
3	001030	Xác suất thống kê	0103001030	2	30	0	
4	070411	TOEIC3	0103070411	3	30	30	
5	071500	Luật kinh doanh	0103071500	2	30	0	
6	072385	Kinh tế vĩ mô	0103072385	3	45	0	
7	072386	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	0103072386	2	0	60	
Học phần tự chọn				2	30	0	
1	070182	Phương pháp tính	0103070182	2	30	0	
2	071340	Quy hoạch tuyến tính	0103071340	2	30	0	
Học kỳ 2				11	150	30	
Học phần bắt buộc				9	120	30	
1	070412	TOEIC4	0103070412	3	30	30	070411(a)
2	071529	Tổ chức sự kiện	0103071529	2	30	0	
3	072388	Marketing dịch vụ	0103072388	2	30	0	
4	072389	Phân tích định lượng trong kinh doanh	0103072389	2	30	0	
Học phần tự chọn				2	30	0	
1	070006	Kỹ năng giao tiếp	0103070006	2	30	0	
2	072387	Kỹ Năng bán hàng	0103072387	2	30	0	
Học kỳ 3				15	195	60	
Học phần bắt buộc				13	165	60	
1	001799	TOEIC5	0103001799	3	30	30	070412(a)
2	071851	Kinh tế quốc tế	0103071851	2	30	0	
3	072390	Dự báo kinh doanh	0103072390	2	30	0	
4	072392	Quản trị nguồn nhân lực 2	0103072392	3	30	30	
5	072394	Vận tải, bảo hiểm vận tải quốc tế	0103072394	3	45	0	
Học phần tự chọn				2	30	0	
1	072391	Kỹ năng quản lý sự thay đổi	0103072391	2	30	0	
2	072393	Thuế	0103072393	2	30	0	
Học kỳ 4				14	195	30	
Học phần bắt buộc				12	165	30	
1	071104	TOEIC6	0103071104	3	30	30	001799(a)
2	071531	Quản trị Marketing 2	0103071531	3	45	0	
3	071494	Chăm sóc khách hàng	0103071494	2	30	0	

4	071508	Khởi sự và tái lập doanh nghiệp	0103071508	2	30	0	
5	072397	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	0103072397	2	30	0	
Học phần tự chọn				2	30	0	
1	071860	Sở hữu trí tuệ	0103071860	2	30	0	
2	071512	Quản trị rủi ro	0103071512	2	30	0	
Học kỳ 5				11	60	210	
Học phần bắt buộc				4	60	0	
1	072402	Tiếng Anh chuyên ngành 3	0103072402	2	30	0	
2	072403	Tiếng anh chuyên ngành 4	0103072403	2	30	0	
Học phần tự chọn				7	0	210	
1	070343	Khóa luận tốt nghiệp - Quản trị kinh doanh	0103070343	7	0	210	
2	072399	Chuyên đề tốt nghiệp - Đại học liên thông	0103072399	3	0	90	
3	001099	Nghệ thuật lãnh đạo	0103001099	2	30	0	
4	070750	Quản trị thương hiệu	0103070750	2	30	0	

9. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

Xác suất thống kê: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Lý thuyết xác suất thống kê giới thiệu các kiến thức bao gồm: lý thuyết xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu và các bài toán cơ bản của thống kê như ước lượng, kiểm định giả thuyết, hồi qui và tương quan.

Phương pháp tính: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Nội dung chính gồm các phần sau : Số gần đúng và sai số. Nội suy bằng đa thức và phương pháp bình phương tối thiểu. Giải gần đúng nghiệm thực của phương trình. Tính gần đúng đạo hàm và tích phân. Giải gần đúng phương trình và hệ phương trình vi phân thường.

Qui hoạch tuyến tính: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Nội dung chính gồm các phần sau : Các khái niệm về bài toán quy hoạch tuyến tính (QHTT), các dạng của bài toán QHTT, phương pháp đơn hình giải bài toán QHTT. Bài toán QHTT chứa tham số ở hàm mục tiêu. Bài toán vận tải và các ứng dụng. Phương pháp sơ đồ mạng Per.

Kỹ năng bán hàng: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kỹ năng nắm bắt nhu cầu khách hàng bao gồm cả người tiêu dùng và các tổ chức để trở thành những nhân viên bán hàng chuyên nghiệp gồm một số kỹ năng như kỹ năng khám phá nhu cầu, kỹ năng trình bày lợi ích sản phẩm, kỹ năng xử lý phản đối và chăm sóc khách hàng sau khi bán hàng.

Kỹ năng giao tiếp: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp những kiến thức về giao tiếp trong cuộc sống nói chung và công việc nói riêng. Học phần Kỹ năng Giao tiếp giới thiệu cho sinh viên những nguyên lý giao tiếp hiệu quả, để từ đó ứng dụng các nguyên lý này vào các kỹ năng viết và nói. Cụ thể sinh viên sẽ biết vận dụng các nguyên lý giao tiếp hiệu quả vào việc đón tiếp khách, trực tiếp hay qua điện thoại, biết soạn email hay các loại thư giao dịch. Sinh viên cũng sẽ biết làm việc theo nhóm, biết chuẩn bị một bài thuyết trình và biết thuyết trình trước lớp. Sinh viên cũng sẽ học chuẩn bị một bộ hồ sơ xin việc hiệu quả.

TOEIC 3: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần TOEIC 3. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link Intro VDO (từ bài 7 – 12) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC Start phần còn lại.

Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC.

TOEIC 4: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Toeic 3)

Nội dung: Học phần TOEIC 4. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link VDO 1 (từ bài 1 – 6) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC do David Cho biên soạn (Phần 1). Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC.

TOEIC 5: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Toeic 4)

Nội dung: Học phần TOEIC 5. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link VDO 1 (từ bài 7 – 12) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC do David Cho biên soạn (Phần 2). Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC.

TOEIC 6: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Toeic 5)

Nội dung: Học phần TOEIC 6. AVTT hoàn các kỹ năng với bài thi TOEIC chuẩn bị cho kỳ thi TOEIC theo yêu cầu đầu ra.

Giáo dục thể chất: 1 (15, 15, 45)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Giáo dục thể chất bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Huấn luyện cho người học những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng và thể thao quân sự bao gồm: Hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một số môn thể thao.

Giáo dục Quốc phòng: 1 (7, 23, 37)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm các nội dung ban hành tại Thông tư số 31/2012/TT- BGDDĐT, ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần này chi tiết gồm những nội dung kiến thức sau đây: Trang bị những kiến thức cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng, an ninh; Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)

Kinh tế vĩ mô: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về: Khái quát về kinh tế vĩ mô, Cách tính sản lượng quốc gia, Lý thuyết xác định sản lượng cân bằng quốc gia, Chính sách tài khóa và chính sách ngoại thương, Tiền tệ ngân hàng và chính sách tiền tệ, Mô hình IS-LM, Mô hình tổng cung tổng cầu, Lạm phát và thất nghiệp, Phân tích vĩ mô trong nền kinh tế mở.

Luật kinh doanh: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật trong kinh doanh như địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp, pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh, phá sản và các hình thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, các thiết chế về cạnh tranh và chống độc quyền.

Tin học ứng dụng trong kinh doanh: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần trang bị cho sinh viên khối ngành toán những kiến thức cơ bản về tin học xét trên quan điểm của người ứng dụng. Học phần đề cập đến 5 khối kiến thức: 1/ Một số vấn đề cơ bản về tin học và máy tính. 2/ Các hệ điều hành. 3/ Soạn thảo văn bản trên máy tính. 4/ Sử dụng bảng tính excel. 5/ Sử dụng các dịch vụ cơ bản của INTERNET. Học phần sẽ giúp sinh viên nâng cao kỹ năng sử dụng máy vi tính và các phần mềm công dụng nhất.

Marketing dịch vụ: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp những hiểu biết và kiến thức về những nguyên lý marketing dịch vụ và sự vận dụng chúng vào thực tiễn doanh nghiệp và nghiên cứu marketing dịch vụ, môi trường marketing và thị trường các doanh nghiệp; nhận dạng nhu cầu và hành vi khách hàng; phương pháp luận nghiên cứu marketing dịch vụ và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường, gồm: các chiến lược thị trường, các chính sách marketing dịch vụ và tổ chức quản trị marketing dịch vụ của doanh nghiệp.

Phân tích định lượng trong kinh doanh: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những cách phân tích trước khi đưa ra quyết định, liệt kê được các bước trong quá trình ra quyết định, mô tả được các loại của môi trường ra quyết định, sử dụng được các giá trị xác suất để ra quyết định trong môi trường có rủi ro, ra quyết định trong môi trường không chắc chắn, nơi mà có rủi ro nhưng không biết giá trị xác suất, sử dụng được máy tính để giải quyết các vấn đề ra quyết định cơ bản, xây dựng được cây quyết định một cách chính xác và hữu dụng, ước lượng xác suất theo định lý Bayes, hiểu tầm quan trọng và sử dụng được lý thuyết dụng ích trong việc ra quyết định, hiểu các giả định căn bản và các tính chất của quy hoạch tuyến tính, giải các bài toán về Quy hoạch tuyến tính ở mức độ nhỏ và vừa.

Kỹ năng quản lý sự thay đổi: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần Quản trị Sự Thay đổi trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề chung của sự thay đổi và quản trị sự thay đổi.

Thuế: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần này gồm những vấn đề cơ bản về thuế và những chính sách thuế của nhà nước liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nội dung cơ bản của học phần nhằm nghiên cứu các sắc thuế hiện hành, làm rõ đặc điểm của từng loại thuế, phương pháp tính toán và các thủ tục cần thiết kê khai nộp thuế đối với nhà nước.

Tổ chức sự kiện: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị tổ chức và sự kiện như: bản chất của tổ chức hoạt động sự kiện, dự toán ngân sách và lập kế hoạch tổ chức sự kiện, tổ chức và tính toán thời gian, danh sách khách mời, địa điểm tổ chức sự kiện, tổ chức đưa đón khách, khách tới sự kiện, không gian thực hiện sự kiện, tổ chức ăn uống trong sự kiện, những vấn đề quan tâm khác.

Kinh tế quốc tế: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế quốc tế như: những vấn đề chung về kinh tế quốc tế, lý thuyết cổ điển về mậu dịch quốc tế, lý thuyết hiện đại về mậu dịch quốc tế, thuế quan - một hình thức hạn chế mậu dịch, các hình thức hạn chế mậu dịch khác và đàm phán mậu dịch đa phương, liên kết kinh tế quốc tế, sự di chuyển nguồn lực quốc tế.

Dự báo kinh doanh: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản và kiến thức cơ sở về Dự báo trong kinh doanh như: Tổng quan về dự báo trong kinh doanh, quy trình dự báo, phân tích dữ liệu và lựa chọn mô hình, trung bình trượt và làm trơn hàm mũ, giới thiệu về các phương pháp hồi quy, dự báo với hồi quy đa biến, phân tích chuỗi thời gian, kết hợp kết quả dự báo.

Quản trị nguồn nhân lực 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị nguồn nhân lực như: đánh giá kết quả thực hiện công việc của nhân viên, quan hệ lao động, quản trị nguồn nhân lực quốc tế, đánh giá kết quả hoạt động quản trị nguồn nhân lực, các tình huống tổng hợp và những chuyên đề chuyên sâu giúp sinh viên tiếp cận với thực tế.

Vận tải, bảo hiểm vận tải quốc tế: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về vai trò chuyên chở hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu....từ những nước xuất khẩu đến những nước nhập khẩu, chuyên chở máy móc thiết bị, công cụ sản xuất từ những nước mang vốn đi đầu tư đến những nước nhận đầu tư. Trong quá trình chuyên chở hàng hóa thương mại và đầu tư quốc tế này, những rủi ro và tổn thất có thể xảy ra đối với đối tượng chuyên chở, vì vậy một ngành cung cấp dịch vụ vô cùng cần thiết và quan trọng luôn luôn gắn liền với hoạt động vận tải quốc tế mà mọi sinh viên chuyên ngành kinh tế cần phải được trang bị kiến thức đó là bảo hiểm vận tải quốc tế.

Quản trị marketing 2: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị marketing như: Quản trị sản phẩm và dịch vụ, quản trị chiến lược và chính sách giá, quản trị chuỗi cung ứng và kênh marketing, truyền thông marketing tích hợp, tổ chức thực thi và kiểm tra các hoạt động marketing.

Chăm sóc khách hàng: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Khi học xong môn học này, người học sẽ có khả năng tốt hơn để: • Xác định khách hàng của mình, cả khách hàng nội bộ và khách hàng bên ngoài; • Giải thích tầm quan trọng và nội dung của việc chăm sóc khách hàng; • Mô tả một số nguyên tắc ứng xử trong các tình huống tiếp xúc với khách hàng; • Xác định được khách hàng mong muốn điều gì ở doanh nghiệp; • Xác định những khiếm khuyết trong việc chăm sóc khách hàng của doanh nghiệp.

Khởi sự và tái lập doanh nghiệp: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về doanh nghiệp, các loại hình doanh nghiệp và tổ chức của doanh nghiệp; các nguyên tắc lựa chọn loại hình doanh nghiệp để kinh doanh và các điều kiện để trở thành nhà quản lý doanh nghiệp; các thủ tục chính cần thiết khi thành lập doanh nghiệp; kinh doanh và định hướng ngành nghề kinh doanh; các bước lập kế hoạch kinh doanh và thực thi kế hoạch kinh doanh.

Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học như: Giới thiệu về phương pháp nghiên cứu kinh tế, Xác định và mô tả vấn đề nghiên cứu, Tổng quan tài liệu, Phát triển khung lý thuyết, khung khái niệm và khung phân tích, Bản chất, dạng và cách đo lường dữ liệu, Phương pháp chọn mẫu và xác định cỡ mẫu, Viết đề cương nghiên cứu, Thu thập dữ liệu, Nhập và xử lý dữ liệu, Viết báo cáo nghiên cứu.

Tiếng Anh chuyên ngành 3: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về các tình huống và ngữ cảnh trong kinh doanh mà một thương nhân phải đương đầu trong lĩnh vực hoạt động của mình như những kỹ năng và kỹ thuật cơ bản trong giao tiếp trong các tình huống thân thiện của khách hàng và nói lời xin lỗi, các chính sách giao hàng và hậu mãi, chăm sóc khách hàng và đi công tác kinh doanh, nghệ thuật trong giao tiếp kinh doanh, các vấn đề về thị trường, nghiên cứu thị trường, khuyến mãi, quảng cáo, các hình thức hội họp và làm việc với đối tác... Ngoài ra, trong từng cấu trúc bài học cũng cung cấp cho sinh viên a. Background information: Cung cấp cho sinh viên những thông tin thiết yếu để thực hiện trong từng ngữ cảnh của bài học. b. Functions: Những hoạt động thực tiễn áp dụng những cấu trúc đã học trong Student's Book và chuyển thể thành những hoạt động giao tiếp (Speaking) c. Vocabulary: Ôn tập từ ngữ bằng các hoạt động trong những ngữ cảnh cụ thể. d. Word- building: Những bài tập cụ thể giúp học sinh xây dựng từ ngữ và tự làm giàu vốn từ ngữ cho mình. e. Listening: Những đề tài kinh doanh được lồng ghép trong các tình huống giao tiếp thực tế và điển hình. f. Reading: Những bài đọc hiểu giúp sinh viên tích lũy kiến thức có liên quan trong các hoạt động kinh doanh. g. Grammar review: Thực hành ôn tập những điểm cơ bản và thiết yếu của văn phạm Anh ngữ.

Tiếng Anh chuyên ngành 4: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về các tình huống và ngữ cảnh trong kinh doanh mà một thương nhân phải đương đầu trong lĩnh vực hoạt động của mình như những kỹ năng và kỹ thuật cơ bản trong giao tiếp trong các tình huống phải giải thích và miêu tả các hoạt động, cho những lời hướng dẫn, nộp đơn xin việc, tìm kiếm sự thăng tiến trong nghề nghiệp, tham gia vào các buổi phỏng vấn, việc đàm phán mua bán sản phẩm, đàm phán kinh doanh trực tiếp qua điện thoại, lập dự án ... Ngoài ra, trong từng cấu trúc bài học cũng cung cấp cho sinh viên a. Background information: Cung cấp cho sinh viên những thông tin thiết yếu để thực hiện trong từng ngữ cảnh của bài học. b. Functions: Những hoạt động thực tiễn áp dụng những cấu trúc đã học trong Student's Book và chuyển thể thành những hoạt động giao tiếp (Speaking) c. Vocabulary: Ôn tập từ ngữ bằng các hoạt động trong những ngữ cảnh cụ thể. d. Word- building: Những bài tập cụ thể giúp học sinh xây dựng từ ngữ và tự làm giàu vốn từ ngữ cho mình. e. Listening: Những đề tài kinh doanh được lồng ghép trong các tình huống giao tiếp thực tế và điển hình. f. Reading: Những bài đọc hiểu giúp sinh viên tích lũy kiến thức có liên quan trong các hoạt động kinh doanh. g. Grammar review: Thực hành ôn tập những điểm cơ bản và thiết yếu của văn phạm Anh ngữ.

Sở hữu trí tuệ: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học cung cấp những lý luận cơ bản về sở hữu trí tuệ; những kiến thức pháp lý về quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp,... và các biện pháp bảo hộ quyền sở hữu trí

tuệ. Bên cạnh đó, môn học đề cập tới vấn đề toàn cầu hóa và vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong giai đoạn hiện nay thông qua tìm hiểu các công ước quốc tế bao gồm các khía cạnh: vận dụng các Điều ước quốc tế về SHTT mà Việt Nam đã tham gia vào việc xác lập quyền SHTT tại nước ngoài, xử lý các tranh chấp SHTT trong thương mại quốc tế, khái niệm về li-xăng quyền SHTT trong kinh doanh quốc tế.

Quản trị rủi ro: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị rủi ro và khủng hoảng như: rủi ro, quản trị rủi ro, quản trị rủi ro chiến lược, môi trường văn hóa và những rủi ro, môi trường luật pháp – chính trị - kinh tế và các rủi ro, rủi ro trong kinh doanh xuất nhập khẩu, quản trị rủi ro tài chính; khủng hoảng và quản trị khủng hoảng, ban quản trị khủng hoảng và những công việc cần làm trước, trong và sau khủng hoảng.

Nghệ thuật lãnh đạo: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Sự tồn tại và phát triển của tổ chức phụ thuộc rất lớn vào hiệu quả của lãnh đạo. Nên môn học này sẽ giúp cho sinh viên ứng dụng những lý thuyết và kỹ năng lãnh đạo, phong cách lãnh đạo trong điều kiện Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp Việt Nam nói riêng.

Quản trị thương hiệu: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Tổng quan về Thương hiệu, phân biệt Thương hiệu (Tradename) và Nhãn hiệu (Trademark/Brand); Vai trò của Thương hiệu trong kinh doanh; Các bước xây dựng Thương hiệu; Định vị Thương hiệu; Thiết kế Thương hiệu; Xây dựng chiến lược cho Thương hiệu; Đăng ký bảo hộ Thương hiệu và Nhãn hiệu trong nước và Quốc tế; Đánh giá Thương hiệu.

Chuyên đề tốt nghiệp – Đại học liên thông: 3 (0, 90, 45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Chuyên đề theo chuyên ngành về một đề tài cụ thể bao gồm: phần mở đầu, phần tổng quan, những nghiên cứu thực nghiệm hoặc lý thuyết, đánh giá phân tích các kết quả và đưa ra kết luận cũng như các kiến nghị cần thiết.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Trần Ái Cẩm

**TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Lan Phương

TRƯỞNG KHOA